

KÝ ỨC TUỔI THƠ - NƠI TRỞ VỀ CỦA CÁC TÁC GIẢ HỒI KÍ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM SAU 1985

Kiều Thu Huyền¹

TÓM TẮT

Ký ức là màng sàng lọc vô thức, không phải muốn nhớ hay muốn quên là được, có những cái muốn nhớ cũng không được, có những cái muốn quên mà không thể nào quên. Ký ức cũng chính là ân huệ mà đời sống ban tặng trong cuộc đời mỗi con người. Ký ức có vai trò rất quan trọng trong sáng tạo văn học, thường là những ấn tượng, những kỉ niệm sâu sắc trong quá khứ nhưng có sức ám ảnh lâu bền đối với con người. Ở Việt Nam nhiều nhà văn, nhà thơ hiện đại đã sáng tạo nên những tác phẩm đặc sắc từ chất liệu của ký ức. Với đặc trưng thể loại, hồi kí là cái nhìn ngoái lại, là sự định vị lại các giá trị, chính vì thế ký ức tuổi thơ là một miền nhớ miền thương, một nơi trở về của các tác giả hồi kí. Thống kê lại tất cả các cuốn hồi kí ra đời sau 1985, hầu hết các cuốn sách đều dành nhiều trang viết cho tuổi ấu thơ với bộn bề những ký ức.

Từ khóa: Ký ức, tuổi thơ, hồi kí, văn học Việt Nam sau năm 1985.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ký ức chính là hình ảnh, sự việc đã qua, được trí nhớ ghi lại và gọi lên. Theo cuốn *Từ điển tiếng Việt*, ký ức tương tự như hồi ức, có nghĩa là “nhớ lại điều bản thân đã trải qua hoặc một cách có chủ định” [8; tr.594]. Để khẳng định vai trò của ký ức nhà văn Tsinghiz Aimatop cho rằng: Nếu con người không có ký ức thì anh ta buộc phải xác định lại vị trí của mình trên Trái đất, nếu con người không có kinh nghiệm lịch sử của dân tộc mình và dân tộc khác thì anh ta sẽ đứng ngoài viễn cảnh lịch sử và chỉ có khả năng sống bằng hiện tại mà thôi” [10; tr.9]. Đặc biệt, ký ức đóng vai trò quan trọng trong việc sáng tạo văn học. Trong cuốn *Tâm lý học sáng tạo văn học*, M.Arnaudov nhấn mạnh hồi ức/ ký ức chính là quyền lực mạnh mẽ để tạo nên sự thăng hoa nghệ thuật: “Một khi sự vật đã trở thành thích thú, toàn bộ tâm hồn sẽ được mở rộng và cảm thụ xâm nhập vào không hề đơn độc mà cùng với một mạng lưới phức tạp của các biểu tượng và các phản ứng bên trong khác. Sự phối hợp này sẽ không bao giờ biến mất nữa, và nếu các biểu tượng phối hợp sau đây được tái hiện thì chúng sẽ gọi nhớ lại biểu tượng chủ đạo, còn bản thân biểu tượng chủ đạo này thì lại gọi nhớ về chúng. Đặc điểm này có ý nghĩa to lớn không chỉ với sự tái hiện đơn thuần sự gọi lại các hồi ức mà còn đối với bản thân sự sáng tạo văn học [7; tr.146].

¹ Phóng viên Báo Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Như vậy, kí ức có vai trò rất quan trọng trong sáng tạo văn học, thường là những ấn tượng, những kỉ niệm sâu sắc trong quá khứ nhưng có sức ám ảnh lâu bền đối với con người. Nó có thể là những bước ngoặt làm thay đổi số phận hoặc thay đổi tư tưởng, nhận thức của con người trước đó thành con người hiện tại. Đồng thời, kí ức góp phần thể hiện thế giới nội tâm của người kể. Mặt khác, tái hiện lại quá khứ cũng là cách tự nhận thức những điều đã qua, kí ức do đó là hành vi tìm lại chính mình cũng như chiêm nghiệm, suy tư về cuộc đời.

Ở Việt Nam nhiều nhà văn, nhà thơ hiện đại đã sáng tạo nên những tác phẩm đặc sắc từ chất liệu của kí ức. Huy Cận từ những hình ảnh quê hương khắc ghi trong trí tưởng tượng đã viết nên những vần thơ “mang mang thiên cổ sầu”. Nguyên Hồng từ kí ức tuổi thơ đã viết nên *Những ngày thơ ấu* và *Bỉ vỏ* đầy sức hút. Phùng Quán ghi dấu ấn với *Tuổi thơ dẫu đời* cũng nhờ những khoảnh khắc trong quá khứ đã ám ảnh suốt đời. Hoàng Cầm mang những kỉ niệm tuổi thơ nơi vùng Kinh Bắc để viết những vần thơ đầy huyền hoặc.

Với riêng các tác phẩm hồi kí, kí ức chính là mảnh đất màu mỡ để các nhà văn nhắc nhớ và khai thác. Chúng tôi tập trung nghiên cứu hồi kí văn học Việt Nam sau 1985 bởi đây là giai đoạn nở rộ về số lượng tác phẩm. Những tác phẩm lớn nhất, hay nhất của thể loại hồi kí hầu hết đều ra đời ở giai đoạn này. Đó là những tác phẩm của Anh Thơ, Tô Hoài, Tố Hữu, Bùi Ngọc Tấn, Phùng Quán, Vũ Bảo, Ma Văn Kháng, Đặng Thị Hạnh, Đặng Anh Đào...

Ngoài sự cởi mở về phạm vi nội dung phản ánh, bạn đọc còn nhận thấy hồi kí giai đoạn sau 1985 thay đổi ở cách thức tiếp cận, phản ánh đời sống và con người; đa dạng hóa nghệ thuật trần thuật... kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ tư duy nghệ thuật của thể loại so với các giai đoạn trước.

Hồi kí văn học thời kì sau 1985 phát triển mạnh mẽ, rõ nét, đa dạng vì ngoài việc tập hợp được lực lượng người viết là những cây bút có tên tuổi trên văn đàn, điều quan trọng hơn hết chính giai đoạn đổi mới đã mang lại bầu sinh khí mới kích hoạt sự sáng tạo của nhà văn. Và ở hầu hết các tác phẩm hồi kí, kí ức tuổi thơ chiếm phần không nhỏ trong các trang viết.

2. NỘI DUNG

2.1. Kí ức tuổi thơ như một miền để nhớ để thương

Kí ức có vai trò quan trọng, đặc biệt là kí ức tuổi thơ. Đó có thể là nỗi nhớ bất chợt từ hiện tại mở ra câu chuyện quá khứ hay sự hiện hữu song song của quá khứ và hiện tại mà sợi dây kết nối tưởng đứt lìa vẫn bền chặt một cách vô hình. Từ kí ức, khung cảnh về một làng quê tươi đẹp, thế giới trẻ thơ và tuổi mới lớn hiện lên sinh động. Tìm về quá khứ qua màn sương hoài niệm cũng là tìm lại sự vô tư, tìm lại con người thơ dại. Đó không chỉ là đích đến mà còn là cuộc hành trình tìm lại bản thể, là sự

chiêm nghiệm, nghĩ suy về thời quá vãng bằng cái nhìn từng trải và sâu sắc hơn. Phải chăng đây là một trong những lí do khiến tác phẩm neo lại bền lâu trong trái tim nhiều thế hệ độc giả? Rõ ràng, với các tác giả hồi kí, họ đã dành rất nhiều cảm xúc, rung cảm và tâm hồn mình cho miền kí ức nhớ thương.

Từ sau năm 1985, văn học Việt Nam tồn tại hiện tượng phổ biến là các nhà văn đã chọn kí ức làm chất liệu sáng tác, đặc biệt là kí ức tuổi thơ chất chứa nhiều rung cảm. Với mỗi con người, tuổi thơ là quãng thời gian đầu đời có ý nghĩa quan trọng để định hình nên nhân cách. Còn với văn chương, kí ức không chỉ là chất liệu mà còn là nhu cầu chiêm nghiệm, nhận thức lại các vấn đề của quá khứ, là cách thức bộc lộ cái tôi sâu kín.

Đặng Thị Hạnh đã từng thổ lộ về điều này ngay trong những trang đầu của hồi kí *Cô bé nhìn mưa*: “Vài ba năm sau, khi đã ra thành phố, lúc nào cũng nuôi trong lòng một nỗi nhớ quê, chẳng có ai để chơi, lại ít nói, tôi thường ngồi một mình nhớ lại. Tuy vậy, đi ngược lại thời gian, cứ đến đoạn nhìn thấy cô bé con ngồi trên cái đòn nhỏ nhìn mưa, là tôi thấy *không thể đi ngược lên* cái gì xa hơn nữa” [3; tr.10]. Hình ảnh cô bé con cắt tóc ngắn, ngồi trên sân nhà ông bà ngoại nhìn ra làn mưa bay chính là một “điểm độc sáng” của kí ức khiến cho tác giả không bao giờ có thể quên. Hình ảnh ấy - ở thời điểm ấy, với tất cả những xúc cảm đặc biệt mà chỉ có người trong cuộc mới hiểu, qua bao thử thách của thời gian, đã tạo nên sự lấn át hoàn toàn với những kí ức trở về trước và rất nhiều kí ức sau này nữa. Đây chính là lí do mà nhà văn Đặng Thị Hạnh đặt tiêu đề cho hồi kí của mình là *Cô bé nhìn mưa*. Không chỉ một lần, Đặng Thị Hạnh nhiều lần ám ảnh bởi những hình ảnh, con người sống trong kí ức của bà: “Rất kì lạ là chính vào lúc tôi ý thức được là có tôi, người lúc nào cũng xuất hiện trong cái không gian bé nhỏ mà tôi sống, lại không phải là mẹ tôi mà là dì Tân, dì út tôi” [3; tr.11], hay: “Ông ngoại tôi tuy là ông lang nhưng không hề được nhớ lại kèm theo với mùi thơm dễ chịu đáng đáng, ngọt ngọt của các vị thuốc (...) Trong kí ức của tôi, ông ngoại được nhớ kèm theo một chồng sách bìa màu tím xám có vẽ một cái cân, nhan đề *Nhân đạo quyền hành*, sau này ba tôi nói với tôi rằng đó là cuốn triết học duy nhất có giá trị thời ấy”... [3; tr.17].

Cũng trong không gian sống của tuổi ấu thơ, rất gần với Đặng Thị Hạnh, nhưng Đặng Anh Đào lại nhớ về tuổi thơ của mình với hình ảnh chiếc “vành cánh” bạc đã bị mất trong một lần đi biển qua những mùi vị thơm ngon tưởng như còn ở trên đầu lưỡi của những món quà bánh xưa. Cái kỷ niệm ám ảnh khiến người ta nhớ mãi: “Bởi người ta ăn ngon chủ yếu do kỷ niệm. Những món ăn thuở nhỏ là những thứ ngon nhất còn lại của cả đời người [2; tr.39]. Hay như hình ảnh người thiếu nữ với “chiếc kiềng vàng và nụ cười khiến gương mặt sáng ngời, cặp mắt lấp lánh, má đỏ hồng. Từ trên chiếc xe tay, dì chìa cho tôi cái vòng sáng long lanh...” [2; tr.14].

Và cả Đặng Thai Mai trong cuốn *Hồi kí* của mình, tuổi thơ đã ám ảnh ông, đặc biệt là hình ảnh người bà: “Mười mấy năm ròng, dưới sự nuôi dạy, bảo hộ của ông bà, chú thím, tôi đã sống dưới mái nhà này như một chú chim non trong một cái tổ an toàn, êm ấm”, chính bà cũng là người “luôn căn dặn con cháu đừng bao giờ sợ hãi và phải luôn luôn tỉnh táo” [6; tr.126].

Tổ Hữu trong *Nhớ lại một thời* đã dành chương I gần 20 trang để nói về tuổi thơ. Ký ức tuổi thơ trong ông là những ngày tháng di chuyển từ Hội An đến Huế, rồi Đà Nẵng. Ông cũng thông tin cho mọi người rằng: “Trước nay trong lý lịch thường nói tôi sinh ra ở Huế hay làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Nhưng thực ra tôi sinh ở Hội An, tỉnh Quảng Nam, năm 1920 và ở đó đến năm chín tuổi mới theo cha ra Huế” [4; tr.8].

Nơi trở về tận sâu trong mỗi tâm hồn con người chắc chắn không đâu hơn kí ức tuổi thơ. Và đó cũng chính là những trang văn sáng trong, dịu mát trong các tác phẩm hồi kí của các tác giả sau 1985. Bởi thế mỗi thiên hồi kí là sự lựa chọn riêng tư của các tác giả trên hành trình “đi tìm thời gian đã mất”.

2.2. Kí ức là ân huệ mà đời sống ban tặng cho mỗi người

Với cái nhìn ngoài lại, người đọc nhận ra, kí ức chính là ân huệ mà cuộc sống ban tặng cho con người nói chung, và cho các nhà văn nói riêng. Chính bởi thế, hồi kí gần như là mảnh đất dành riêng cho các nhà văn có sự trải nghiệm về tuổi đời, tuổi nghề, vốn văn hóa và sự hiểu biết. Không phải ngẫu nhiên khi cậu học trò khuyến Đặng Thai Mai: “Thưa, thầy nên viết kỉ niệm đi, các con thấy nhiều câu chuyện thầy kể rất hay. Và ông đã buột miệng nói; Viết hồi kí ấy à? Đến năm sáu mươi lăm tuổi mình sẽ bắt đầu viết” [6; tr.37-38]. Còn nhà văn Thi sĩ Hoàng Cầm tự bạch: “Khi con người được trời cho sống quá tuổi 70, thường hay nhớ về ngày xưa... và giữ được cái thanh thân”. Hay như Ma Văn Kháng: “Ngoài 70 rồi rồi, ngoài việc trông nom bảo ban mấy đứa cháu nội, ngoại thì thùng thảng nhớ lại và dùng đỉnh ghi chép những chuyện đã qua của đời mình, nghĩ cũng có thể là việc có thể làm được và nên làm” [5; tr.432]. Tổ Hữu viết *Một thời để nhớ* năm 2000, khi ấy ông vừa tròn 80 tuổi, ông chia sẻ: “Ở cái tuổi này có nhiều điều đã quên, nhưng những điều đáng nhớ trong cuộc đời thì vẫn còn nguyên trong kí ức” [4; tr.8].

Quá từng trải, với ăm ắp những câu chuyện đời sống xung quanh mình, nhưng kí ức về tuổi thơ bao giờ cũng làm cho những trang viết đẹp và trong hơn. Dẫu có như Đặng Thai Mai vẫn nhắc về nỗi buồn khi đi khỏi làng Phù Xá để về nhà ông bà nội, rồi những chuyến đi thăm cha ở khám của “một sinh mệnh bé tí, ngơ ngác giữa một đường đời mênh mông, rồi ren” thì cũng vẫn là hiện lên khung cảnh: “Nhà ta, nhà ông bà trên kia đẹp lắm. Cái vườn thì to to là, đủ thứ cây cối hoa quả, cam này, quýt này, mơ, đào,

mận này” hay như việc nịnh cháu “bà nội sẽ may áo Tết cho con”. Hay như nữ sĩ Anh Thơ chia sẻ: “Nỗi nhớ của tôi trở về bến sông Thương, cái con sông Thương nước chảy đôi dòng. Ở đó không biết tôi đã yêu say mê và cũng say mê làm thơ từ lúc nào?” [9; tr.7]. Và Tố Hữu, dù những năm tháng hoạt động cách mạng của ông với không biết bao nhiêu biến cố, cái chết cận kề cái sống, gặp gỡ nhiều người nhưng ông không thể quên cái đêm ông bị bắt, mẹ ông hót hải tìm con, để đến khi nhìn thấy con “bà ôm chầm lấy mà khóc”. Sau này, có lúc thả bộ trên bờ Hồ Gươm rực rỡ ánh đèn, ông “bỗng thấy nhớ quê hương da diết, nhớ mẹ, nhớ cả cái đêm nặng nề đã in dấu ấn vào tuổi thơ” [4; tr.21].

Cuối cùng cảm xúc của tuổi thơ vẫn là miền thương nhớ, sự may mắn khi người ta vẫn nhớ về thời hoa niên đẹp nhất, tươi mát đến vô ngần ấy. Nếu không có những cảm xúc ấy, chắc gì các nhà văn có cả một cuộc đời phía sau?

2.3. Kí ức và một số biểu tượng nghệ thuật trong tác phẩm

Khảo sát các tác phẩm hồi kí thời kì Đổi mới, ta có thể dễ dàng nhận ra một loạt biểu tượng về con người, các địa danh hay những hình ảnh thiên nhiên nổi bật có liên quan mật thiết đến tư duy nghệ thuật của tác giả cũng như những đặc trưng thể loại của hồi kí. Những biểu tượng này lặp đi lặp lại nhiều trong văn bản, tái diễn trong những hình vẽ phong phú và mang đến ý nghĩa biểu trưng thú vị.

Đầu tiên không thể không nhắc đến biểu tượng “*Trẻ thơ*”. Trong cái kí ức tuổi thơ ấy, biểu tượng trẻ thơ là những nghĩ suy của đứa trẻ, đó có thể rất ngây thơ, sung sướng, hạnh phúc, cũng có thể là sợ sệt, lo âu, ám ảnh. Trong hồi kí của Đặng Thai Mai là hình ảnh đứa trẻ với đôi mắt lo sợ trên con thuyền chèo chành hướng về làng Lương Điền quê nội. Đặng Thai Mai khẳng định: “Thời thơ ấu, tự nó có cái đẹp riêng bởi đây là thời ngây thơ, vô tội, cả bản thân ta, lẫn thế giới xung quanh. Sau này nó càng đẹp bởi những gì ta phải gặp trong cuộc đời. Và chẳng có người còn nói: Nhìn qua hồi ức, kỷ niệm buồn rồi cũng trở thành hạnh phúc” [6; tr.127]. Chính đứa bé ngơ ngác trong chiếc áo nâu sòng ấy, sau này trở thành vị giáo sư uyên bác.

Đó cũng có thể là cô bé “nhút nhát” luôn chỉ thấy an toàn trong ngôi nhà của ông bà ngoại với dì út yêu quý và sợ hãi với mọi thứ xa lạ phía ngoài ngôi nhà trong *Cô bé nhìn mưa* của Đặng Thị Hạnh. Đó cũng có thể là cô bé cá tính, thích làm đom, đeo nhiều trang sức, ca hát say sưa, nồng nhiệt với biển, và mê mẩn sách trong *Tâm xuân* của Đặng Anh Đào. Hay là đứa bé trai bạo dạn, thoát li gia đình, chủ động vượt qua mọi hoàn cảnh và đặc biệt rất thích đọc sách trong *Rẽ bèo chân sóng* của Vũ Bảo.

Có thể khẳng định, kí ức tuổi thơ trong các tác phẩm hồi kí sau 1985 thường được đặt trong hào quang của thời loạn lạc nên những đứa trẻ hiện lên thật bất an, chông chênh giữa dòng đời, và gồng mình lên để trở nên mạnh mẽ. Chính bởi thế,

biểu tượng trẻ thơ không chỉ là sự hồn nhiên trong sáng, mà còn là sự quấy đạp để phá vỡ những rào cản, định kiến.

Ngoài ra các tác giả hồi kí tiếp nhận và xây dựng biểu tượng *người phụ nữ* trong bề dày của truyền thống văn học thế giới và văn học dân tộc nên vừa giữ vững những ý niệm cốt lõi, vừa bổ sung thêm những sắc điệu mới. Dòng kí ức của các tác giả đã kết tinh nên biểu tượng người phụ nữ qua những gương mặt thân thương, cụ thể và gần gũi như người bà, người mẹ, người vợ hay những người chị, người con gái trong những cuộc gặp gỡ bất ngờ.

Trong hồi kí, biểu tượng người phụ nữ trước hết vẫn mang hàm nghĩa hạnh phúc, tổ ấm, sự bình an và yêu thương. Người mẹ của thi sĩ Huy Cận trong *Hồi kí song đôi* là người phụ nữ suốt đời lam lũ vì con với hai bàn tay chai sần theo năm tháng: “Bàn tay số mệnh là bàn tay của mẹ tôi đã nuôi chúng tôi, đã giữ chúng tôi lại đời này và đã dẫn dắt chúng tôi từ những bước chập chững đến những bước vững chắc đi vào cuộc sống” [1; tr.100].

Những hình ảnh người phụ nữ hiện lên trong các tác phẩm hồi kí văn học sau 1985 không hoàn toàn đồng nghĩa với sự yếu mềm, cam chịu mà đã gắn liền với sự kiên cường, vững chãi, với đức hy sinh. Đó là người bà trong trang văn của Đặng Thai Mai: “Nhờ có bà với những đức tính cao quý và vững chãi hiếm có, đặc biệt là tình thương bao la và sức chịu đựng mọi nỗi gian khó trên đường đời một cách kiên cường và thâm lặng, mà tôi đã hiểu, đã kính phục cái sức mạnh phi thường của người phụ nữ Việt Nam” [6; tr.286]. Và hình ảnh người mẹ hiện lên trong *Rẽ bèo chân sóng* của Vũ Bảo luôn tất bật, lo toan, nhường nhịn và hy sinh cho chồng con từng miếng cơm, manh áo khiến tác giả luôn day dứt mỗi khi nghĩ về những lúc mình đã đòi hỏi, trách móc mẹ. Tổ Hữu trong *Một thời để nhớ* dành nhiều trang viết về “người mẹ tần tảo lo cái ăn cho cả gia đình, thường về xin gạo của các cậu, dì bên ngoại, có khi được một quả mít rất to và cả mấy kẹp cá nướng thật ngon” [4; tr.17].

Có thể nói, hình ảnh người phụ nữ hiện lên trong kí ức các tác giả luôn đẹp và nhiều nhớ nhung. Họ chính là nguồn cảm hứng và là động lực để các tác giả vươn lên trong cuộc sống, hun đúc tâm hồn văn chương.

Biểu tượng làng quê cũng không thể không nhắc đến khi nghĩ về tuổi thơ của các tác giả hồi kí. Không đơn thuần là địa danh, mà hơn hết làng quê còn mang giá trị nguồn cội, lưu giữ những kỉ niệm ấu thơ thân thương và cũng là hồn cốt văn hóa của gia tộc và cộng đồng mà con người ta phải đi qua một chặng đường dài trong cuộc đời mới thấu hiểu: “Bây giờ thì vật đổi sao dời, tất cả đều đã khác xưa. Tên làng cũng không còn (...). Nhưng, dầu có là thế, nơi đây, đất này vẫn là gốc tích, xuất xứ của tôi, là quê hương bản quán của tôi, gắn bó với cội nguồn tình cảm, in dấu trong tâm linh tôi, mỗi lúc một trở nên da diết hơn trong sự hiểu biết của tôi về quê hương mình” [5; tr.18]. Tổ Hữu nghĩ về kí ức tuổi thơ mình là “Tôi rất nhớ cảnh phố Hội An với sông Thu Bồn

nước màu xanh lục, bên kia bờ có hàng dừa cao đầy trái, ghe thuyền qua lại thơm nức mùi nước mắm, càng rất thềm cái món “cao lầu”, sao mà ngon thế” [4; tr.15]. Hay như Huy Cận sống ở quê chỉ đến 8 tuổi nhưng quê hương luôn ám ảnh. Kể cả sau này, ông có đi Huế, hay ở Hà Nội thì những nỗi buồn, nỗi sầu từ quá khứ vẫn hiển hiện trong tất cả các trang viết của ông.

Trong các tác phẩm hồi kí sau 1985, làng quê Việt hiện lên ít sự thanh bình, yên ả. Đó là những ngôi làng mờ trong bom đạn, ám ảnh qua những vết kí ức chạy dài chằng đường tản cư của những gia đình thời chiến (*Hồi kí* - Đặng Thai Mai, *Tầm xuân* - Đặng Anh Đào, *Cô bé nhìn mưa* - Đặng Thị Hạnh, *Rẽ bèo chân sóng* - Vũ Bảo). Đó còn là làng quê oằn mình dưới bước chân hối hả của đội chinh huấn, tiêu điều sau những đợt cải cách ruộng đất “đào tận gốc - trốc tận rễ” không thể bình yên với những cuộc đấu tố, cải cách ruộng đất như trong *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều* - Tô Hoài; *Ba phút sự thật* - Phùng Quán; *Nhớ lại* - Đào Xuân Quý...

Với những biểu tượng gần gũi ấy, các tác giả hồi kí văn học Việt Nam sau 1985 đã cho người đọc cảm nhận rằng những mất mát, dang dở, trăn trở và day dứt dễ làm người ta nhớ, ám ảnh, và không thể nào quên. Đặc biệt, với nhà văn, chỉ một hình ảnh nhỏ của kí ức cũng chính là nguồn cảm hứng, là động lực để họ viết, sống, và truyền cảm hứng đến bạn đọc.

3. KẾT LUẬN

Trong hồi kí, cơ chế hoạt động của kí ức chính là sự sàng lọc đối với mọi sự thật ở quá khứ. Với mỗi một tác giả, kí ức nói chung và kí ức tuổi thơ nói riêng được gọi về bởi những cú hích bất ngờ ở hiện tại mà chính người trong cuộc nhiều khi cũng ngỡ ngàng. Sử dụng chất liệu kí ức, người kể chuyện có một khoảng cách thời gian để nhìn lại các vấn đề đã qua, do vậy bên cạnh tính phong phú của đời sống, còn bộc lộ cái tôi cá thể gắn với những suy tư, sự nhận thức lại các vấn đề của cuộc sống. Điều này càng làm độc giả có cái nhìn hoàn chỉnh hơn về con người, số phận, cuộc đời và các mối quan hệ khác của nhà văn.

Nếu như trước đây văn học chỉ được chú ý nhiều hơn việc tác phẩm phản ánh được cái gì và gắn với những bối cảnh đương thời như thế nào thì hồi kí sau 1985 đã phá vỡ giới hạn đó. Mặc dù viết về quá khứ nhưng lại đến rất gần cộng đồng tiếp nhận đương đại. Họ đón nhận những tác phẩm này với một mặc định nghệ thuật giữa chủ thể sáng tác và chủ thể tiếp nhận trong hồi kí là người sáng tác phải luôn luôn chứng minh được mình nói thật đồng thời người tiếp nhận cũng tin là người sáng tác viết thật. Các tác giả hồi kí văn học Việt Nam sau 1985 sử dụng chất liệu kí ức mà cụ thể là kí ức tuổi thơ như sự nhắc nhớ về một đoạn đời quan trọng, có ảnh hưởng tới vai trò thẩm mỹ và phong cách sáng tạo trong hành trình văn chương của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Huy Cận (2002), *Hồi kí song đôi*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [2] Đặng Anh Đào (2005), *Tâm xuân*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [3] Đặng Thị Hạnh (2008), *Cô bé nhìn mưa*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
- [4] Tổ Hữu (2000), *Nhớ lại một thời*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [5] Ma Văn Kháng (2009), *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [6] Đặng Thai Mai (1985), *Hồi kí*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [7] M.Arnaudov (1978), *Tâm lý học sáng tạo văn học*, Hoài Lam - Hoài Ly dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [8] Hoàng Phê (chủ biên) (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa.
- [9] Anh Thơ (1986), *Từ bến sông Thương*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [10] Tsinghiz Aimatop(1986), *Một ngày dài hơn thế kỉ*, Nxb. Lao động - Trung tâm Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

CHILDHOOD'S MEMORY - THE PLACE FOR AUTHORS IN POST 1985 VIETNAM LITERATURE TO COME BACK

Kieu Thu Huyen

ABSTRACT

*Screening membrane is memories unconsciously, doesn't work because you want to remember or forget something. It is a gift of everyone life. Memories have a very important role in the creation of literature, often the impression, memories deeply in the past but have lasting obsessions for humans. In Vietnam many modern poets, writers have created outstanding works from the material of the memories. Featuring the genre, memoir looking back, is the repositioning of the values. Thus, childhood memories is a domain, a domain where the memory back to the author of the memoir. It is revised that the **memoirs** that came out **after** 1985, most of them are devoted to write about memorable childhood.*

Keywords: Memory, childhood, Vietnamese literature, after 1985, memoir.